TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị D trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị D và anh Lê Văn Ch chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn vì khi đó chị D không có giấy chứng minh nhân dân. Đến nay vợ chồng vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống bên gia đình chồng tại xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên. Đến năm 2002, phần đất của

gia đình chồng vô quy hoạch nên cha mẹ ruột của chị D cho vợ chồng một phần đất tại tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên để xây nhà và sinh sống cho đến nay.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng hơn 02 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nguyên nhân là do anh Ch thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, không những vậy anh Ch còn thường xuyên đánh đập chị D. Do không thể chung sống với người chồng hay đánh đập mình nên chị D đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống cho đến nay. Các con chung vẫn sống chung với anh Ch. Tuy đã ra ngoài sống nhưng chị D vẫn thường xuyên về nhà thăm và chăm sóc các con. Nay chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Ch.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 04 con chung cháu Lê Văn H, sinh năm 1995; cháu Lê Văn T, sinh năm 1997; cháu Lý Thị Thu H, sinh năm 2003 và cháu Lý Thị Th, sinh năm 2010. Khi ly hôn, chị D đồng ý để anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu H và Th vì hiện nay hai cháu đang sống chung với anh Ch. Chị D không cấp dưỡng nuôi con. Riêng 02 cháu H và T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lý Thị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2017 anh Lê Văn Ch trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ch và chị D chung sống với nhau từ năm 1994 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Chị D đã bỏ nhà đi hơn 02 năm nay (tức là từ năm 2015), vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh Ch đồng ý ly hôn với chị D.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 04 con chung cháu Lê Văn H, sinh năm 1995; cháu Lê Văn T, sinh năm 1997; cháu Lý Thị Thu H, sinh năm 2003 và cháu Lý Thị Th, sinh năm 2010. Khi ly hôn, anh Ch yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu H và Th vì hiện nay hai cháu đang sống chung với anh, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Riêng 02 cháu H và T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Lê Văn Ch tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên anh Ch có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thì đại diện Ủy ban cho biết anh Lê Văn Ch và chị Lý Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình

Dương. Anh Ch và chị D chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng cho đến nay anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng cũng như về vấn đề tranh chấp nuôi con thì chính quyền địa phương không rõ do không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2017 của cháu Lý Thị Thu H trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu H có nguyện vọng được sống với cha Lê Văn Ch.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D và anh Lê Văn Ch là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 09 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì trường hợp này không được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay chị D và anh Ch đều đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết cho ly hôn mà giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Do anh Lê Văn Ch hiện đang nuôi dưỡng 02 cháu Lý Thị Thu H và Lý Thị Th nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho ông Ch được trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với 02 cháu Lê Văn H và Lê Văn T đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Lê Văn Ch vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Ch.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D và anh Lê Văn Ch là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trường hợp này không được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay chị D và anh Ch đều đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng, Tòa án không giải quyết cho ly hôn mà giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên cháu Lê Văn H, sinh năm 1995; cháu Lê Văn T, sinh năm 1997; cháu Lý Thị Thu H, sinh năm 2003 và cháu Lý Thị Th, sinh năm 2010. Hiện nay cháu H và cháu Th đang sống với anh Ch, anh Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu Th, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con và chị D đồng ý.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa chị D và anh Ch phù hợp với ý kiến của cháu Lý Thị Thu H và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cho anh Ch được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu H và cháu Th, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung cháu Lê Văn H và Lê Văn T đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Lý Thị D phải nộp án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92, 228, 273 và 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 12, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị D và anh Lê Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Lý Thị Thu H, sinh ngày 31/5/2003 và cháu Lý Thị Th, sinh ngày 26/10/2010 cho anh Lê Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lý Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung cháu Lê Văn H và cháu Lê Văn T đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Chị Lý Thị D và anh Lê Văn Ch đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Chị D được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị D lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Ch có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị D. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị D phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013077 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (chị Lý Thị D không phải nộp thêm).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị D có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn Ch vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm